TOÁN 5 – BÀI 46: XĂNG TI MÉT KHỐI; ĐỀ XI MÉT KHỐI

Bài 1. Viết các số đo thể tích sau bằng kí hiệu.

a) Hai trăm mười bốn xăng-ti-mét khối: ... ...

b) Một nghìn xăng-ti-mét khối: ... ...

c) Mười xăng-ti-mét khối: ... ...

d) Một trăm linh hai phẩy ba xăng-ti-mét khối: ... ...

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $59\text{dm}^3 =$ ... ...cm^3

b) $97{,}721\text{dm}^3 =$ ... ...cm^3

c) $115{,}01\text{dm}^3 =$ ... ...cm^3

d) $96{,}1\text{dm}^3 =$ ... ...cm^3

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $0\text{cm}^3 =$ ... ...dm^3

b) $100\text{cm}^3 =$ ... ...dm^3

c) $500\text{cm}^3 =$ ... ...dm^3

d) $1500\text{cm}^3 =$ ... ...dm^3

Bài 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $925\text{dm}^3 884\text{cm}^3 =$ ... ...cm^3

b) $484\text{dm}^3 191\text{cm}^3 =$ ... ...cm^3

c) $991\text{dm}^3 223\text{cm}^3 =$ ... ...cm^3

d) $887\text{dm}^3 118\text{cm}^3 =$ ... ...cm^3

Bài 5. Điền số thích hợp để đổi mỗi số đo thể tích sang dạng gồm dm^3 và cm^3.

a) $28\,531\text{cm}^3 =$ ... ...dm^3... ...cm^3

b) $62\,999\text{cm}^3 =$ ... ...dm^3... ...cm^3

c) $38\,386\text{cm}^3 =$ ... ...dm^3... ...cm^3

d) $19\,456\text{cm}^3 =$ ... ...dm^3... ...cm^3

Bài 6. Tính các phép tính sau.

a) $6306{,}721\text{dm}^3 - 5971{,}566\text{dm}^3 =$ ... ...dm^3

b) $8693\text{cm}^3 - 8194\text{cm}^3 =$ ... ...cm^3

c) $2810\text{dm}^3 - 1685\text{dm}^3 =$ ... ...dm^3

d) $2538{,}509\text{cm}^3 - 1191{,}773\text{cm}^3 =$ ... ...cm^3

Bài 7. Tính các phép tính sau.

a) $456{,}02\text{cm}^3 + 375\text{cm}^3 =$ ... ...cm^3

b) $74\text{dm}^3 + 400{,}975\text{dm}^3 =$ ... ...dm^3

c) $134{,}964\text{cm}^3 + 59{,}693\text{cm}^3 =$ ... ...cm^3

d) $75{,}372\text{cm}^3 + 189{,}505\text{cm}^3 =$ ... ...cm^3

Bài 8. Tính các phép tính sau.

a) $86\text{dm}^3 \times 4 =$ ... ...dm^3

b) $60{,}3\text{cm}^3 \times 7 =$ ... ...cm^3

c) $33{,}2\text{cm}^3 \times 16 =$ ... ...cm^3

d) $68{,}59\text{dm}^3 \times 17 =$ ... ...dm^3

Bài 9. Điền số thích hợp vào chỗ trống để đổi từ lít sang dm^3.

a) $94{,}83l =$ ... ...dm^3

b) $99l =$ ... ...dm^3

c) $61l =$ ... ...dm^3

d) $0l =$ ... ...dm^3

Bài 10. Tính rồi điền kết quả theo cm^3.

a) $4{,}05\text{dm}^3 \times 15 =$... ... ...cm^3

b) $24\text{dm}^3 \times 12 =$... ... ...cm^3

c) $34{,}285\text{dm}^3 \times 12 =$... ... ...cm^3

d) $76{,}1\text{dm}^3 \times 19 =$... ... ...cm^3

Bài 11. Tính các phép trừ sau và viết kết quả theo đơn vị dm^3.

a) $1{,}667dm^3 - 538cm^3 =$... ... ...dm^3

b) $22{,}339dm^3 - 10\ 002cm^3 =$... ... ...$dm^3$

c) $12{,}801dm^3 - 12\ 763cm^3 =$... ... ...$dm^3$

d) $1{,}691dm^3 - 1291cm^3 =$... ... ...dm^3

Bài 12. Một nhóm học sinh mang theo 7 chai nước, mỗi chai chứa $0{,}3l$. Tính tổng dung tích nước trong các chai đó theo dm^3.

Trình bày bài giải và ghi đáp số theo dm^3.

Bài giải

……

……

……

……

……

……

Bài 13. Một gia đình có một bình nước đang chứa $8l$ nước. Người ta rót bớt $3750cm^3$ nước. Biết $1l = 1dm^3$ và $1dm^3 = 1000cm^3$.

Tính lượng nước còn lại trong bình nước theo đơn vị cm^3.

Bài giải

……

……

……

……

……

……

Bài 14. Trong kho của lớp học, có $6dm^3$ sữa tươi. Người ta rót lượng sữa tươi đó vào các lọ nhỏ, mỗi lọ nhỏ đựng được $200cm^3$.

Có thể đổ đầy được bao nhiêu lọ nhỏ như vậy?

Bài giải

……

……

……

……

……

……

……

……

----HẾT---